

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Trung Tâm

Ngày 13 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn kho tàu Canh rau dền nấu tôm Bí xanh xào mùi tàu	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Cháo gà, hạt sen, bí ngô, rau mùi	Cháo gà, hạt sen, bí ngô, rau mùi

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	195	22,000	4,290,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	65	22,000	1,430,000	
	TỔNG	260		5,720,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	17.60	17,000	299,200	3.90	17,000	66,300	21.5	365,500
2	Dầu ăn	1.00	77,000	77,000	0.20	77,000	15,400	1.20	92,400
3	Nước mắm	0.30	76,000	22,800	0.10	76,000	7,600	0.40	30,400
4	Hạt nêm	0.30	70,000	21,000	0.10	70,000	7,000	0.40	28,000
5	Hành	0.20	35,000	7,000	0.05	35,000	1,750	0.25	8,750
6	Mỡ lợn	1.00	85,000	85,000	0.25	85,000	21,250	1.25	106,250
7	Thịt lợn	11.67	150,000	1,750,500	4.28	150,000	642,000	15.95	2,392,500
8	Rau dền	5.85	20,000	117,000	1.95	20,000	39,000	7.80	156,000
9	Tôm	1.20	290,000	348,000	0.40	290,000	116,000	1.60	464,000
10	Đường kính	0.40	30,000	12,000	0.10	30,000	3,000	0.50	15,000
11	Bí xanh	5.50	25,000	137,500	1.80	25,000	45,000	7.30	182,500
12	Gạo bắc thơm	3.15	17,000	53,550	1.05	17,000	17,850	4.20	71,400
13	Hạt sen	0.20	220,000	44,000	0.05	220,000	11,000	0.25	55,000
14	Bí ngô đỏ	0.95	20,000	19,000	0.35	20,000	7,000	1.30	26,000
15	Rau mùi	0.15	50,000	7,500	0.05	50,000	2,500	0.20	10,000
16	Thịt gà	1.95	90,000	175,500	0.65	90,000	58,500	2.60	234,000
17	Sữa bột Nuvi Grow	4.28	260,000	1,112,800	1.42	260,000	369,200	5.70	1,482,000
	Tổng cộng			4,289,350			1,430,350		5,719,700

IV. PHÂN QUYẾT AN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 5,720,000
- Số tiền đã chi: 5,719,700
- Số tiền còn thừa: 300
- Số tiền còn thiếu:

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Phú Lâm

Ngày 13 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn kho tàu Canh rau dền nấu tôm Bí xanh xào mùi tàu	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Cháo gà, hạt sen, bí ngô, rau mùi	Cháo gà, hạt sen, bí ngô, rau mùi

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	85	22,000	1,870,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	30	22,000	660,000	
	TỔNG	115		2,530,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	7.60	17,000	129,200	1.80	17,000	30,600	9.4	159,800
2	Dầu ăn	0.45	77,000	34,650	0.10	77,000	7,700	0.55	42,350
3	Nước mắm	0.10	76,000	7,600	0.05	76,000	3,800	0.15	11,400
4	Hạt nêm	0.15	70,000	10,500	0.05	70,000	3,500	0.20	14,000
5	Hành	0.08	35,000	2,800	0.02	35,000	700	0.10	3,500
6	Mỡ lợn	0.45	85,000	38,250	0.15	85,000	12,750	0.60	51,000
7	Thịt lợn	5.15	150,000	772,500	1.90	150,000	285,000	7.05	1,057,500
8	Rau dền	2.60	20,000	52,000	1.10	20,000	22,000	3.70	74,000
9	Tôm	0.50	290,000	145,000	0.20	290,000	58,000	0.7	203,000
10	Đường kính	0.15	30,000	4,500	0.05	30,000	1,500	0.2	6,000
11	Bí xanh	2.40	25,000	60,000	0.90	25,000	22,500	3.3	82,500
12	Gạo bắc thơm	1.35	17,000	22,950	0.50	17,000	8,500	1.9	31,450
13	Hạt sen	0.08	220,000	17,600	0.02	220,000	4,400	0.10	22,000
14	Bí ngô đỏ	0.45	20,000	9,000	0.15	20,000	3,000	0.60	12,000
15	Rau mùi	0.07	50,000	3,500	0.03	50,000	1,500	0.10	5,000
16	Thịt gà	0.85	90,000	76,500	0.30	90,000	27,000	1.2	103,500
17	Sữa bột Nuvi Grow	1.85	260,000	481,000	0.65	260,000	169,000	2.50	650,000
	Tổng cộng			1,867,550			661,450		2,529,000

IV. PHÂN QUYẾT AN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 2,530,000
- Số tiền đã chi: 2,529,000
- Số tiền còn thừa: 1,000
- Số tiền còn thiếu:

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Hậu Phú

Ngày 13 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn kho tàu Canh rau dền nấu tôm Bí xanh xào mùi tàu	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Cháo gà, hạt sen, bí ngô, rau mùi	Cháo gà, hạt sen, bí ngô, rau mùi

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	40	22,000	880,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ		22,000	0	
	TỔNG	40		880,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	3.60	17,000	61,200				3.6	61,200
2	Dầu ăn	0.20	77,000	15,400				0.20	15400
3	Nước mắm	0.05	76,000	3,800				0.05	3800
4	Hạt nêm	0.05	70,000	3,500				0.05	3500
5	Hành	0.05	35,000	1,750				0.05	1750
6	Mỡ lợn	0.20	85,000	17,000				0.20	17000
7	Thịt lợn	2.40	150,000	360,000				2.40	360000
8	Rau dền	1.20	20,000	24,000				1.20	24000
9	Tôm	0.22	290,000	63,800				0.22	63800
10	Đường kính	0.10	30,000	3,000				0.10	3000
11	Bí xanh	1.20	25,000	30,000				1.2	30,000
12	Gạo bắc thơm	0.65	17,000	11,050				0.65	11050
13	Hạt sen	0.05	220,000	11,000				0.05	11000
14	Bí ngô đỏ	0.20	20,000	4,000				0.20	4000
15	Rau mùi	0.03	50,000	1,500				0.03	1500
16	Thịt gà	0.40	90,000	36,000				0.40	36000
17	Sữa bột Nuvi Grow	0.90	260,000	234,000				0.90	234000
	Tổng cộng			881,000			0		881,000

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 880,000
- Số tiền đã chi: 881,000
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -1,000

TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Nam Quang

Ngày 13 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn kho tàu Canh rau dền nấu tôm Bí xanh xào mùi tàu	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Cháo gà, hạt sen, bí ngô, rau mùi	Cháo gà, hạt sen, bí ngô, rau mùi

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	153	22,000	3,366,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	35	22,000	770,000	
	TỔNG	188		4,136,000	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	13.80	17,000	234,600	2.10	17,000	35,700	15.9	270,300
2	Dầu ăn	0.80	77,000	61,600	0.10	77,000	7,700	0.90	69,300
3	Nước mắm	0.25	76,000	19,000	0.05	76,000	3,800	0.30	22,800
4	Hạt nêm	0.20	70,000	14,000	0.05	70,000	3,500	0.25	17,500
5	Hành	0.15	35,000	5,250	0.05	35,000	1,750	0.20	7,000
6	Mỡ lợn	0.75	85,000	63,750	0.10	85,000	8,500	0.85	72,250
7	Thịt lợn	9.21	150,000	1,381,500	2.29	150,000	343,500	11.50	1,725,000
8	Rau dền	4.60	20,000	92,000	1.20	20,000	24,000	5.80	116,000
9	Tôm	0.90	290,000	261,000	0.20	290,000	58,000	1.1	319,000
10	Đường kính	0.30	30,000	9,000	0.10	30,000	3,000	0.4	12,000
11	Bí xanh	4.40	25,000	110,000	1.00	25,000	25,000	5.4	135,000
12	Gạo bắc thơm	2.45	17,000	41,650	0.55	17,000	9,350	3.0	51,000
13	Hạt sen	0.15	220,000	33,000	0.05	220,000	11,000	0.20	44,000
14	Bí ngô đỏ	0.80	20,000	16,000	0.20	20,000	4,000	1.00	20,000
15	Rau mùi	0.12	50,000	6,000	0.03	50,000	1,500	0.15	7,500
16	Thịt gà	1.55	90,000	139,500	0.35	90,000	31,500	1.9	171,000
17	Sữa bột Nuvi Grow	3.37	260,000	876,200	0.78	260,000	202,800	4.15	1,079,000
	Tổng cộng			3,364,050			774,600		4,138,650

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,136,000
- Số tiền đã chi: 4,138,650
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -2,650

